

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **249/2021/HC-PT**

Ngày: 25/11/2021

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Ông **Nguyễn Cường**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Ba** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đình Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 202/2021/TLPT-HC ngày 18 tháng 5 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2021/HC- ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 421/2021/QĐPT-HC ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Ngô Thị V, sinh năm 1967; trú tại: Thôn 1B, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thị xã H; địa chỉ: phường T Châu, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh M; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Đắc T; chức vụ: Phó chủ tịch (Ủy quyền theo Giấy uỷ quyền số 02/GUQ-UBND ngày 15/01/2021). Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Ngô P, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1955; cùng trú tại: Thôn 1B, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

Ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T cùng ủy quyền cho anh Ngô Đức N; trú tại: Thôn 1B, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 27/7/2020). Vắng mặt.

3. Cụ Văn Thị T, sinh năm 1932 (đã chết).

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Văn Thị T, đồng thời là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Ngô Văn D, sinh năm 1964; trú tại: Thôn 1B, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

+ Ông Ngô Văn M, sinh năm 1969; trú tại: Thôn 1B, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

+ Ông Ngô Văn H, sinh năm 1969; trú tại: Thôn 1B, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo Đơn khởi kiện của bà Ngô Thị V và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

Bà Ngô Thị V - người khởi kiện trình bày: Cha mẹ Bà là cụ Ngô S (chết vào năm 1994) và cụ Văn Thị T (chết năm 2020), từ năm 1976 có khai hoang một thửa đất tại khu vực gần hồ B, thuộc xã T phù, thị xã H để trồng hoa màu.

Vị trí thửa đất có tứ cận và giáp các hộ liền kề sau:

+ Về phía Bắc: Giáp đất khai hoang của ông Ngô P, địa chỉ: Thôn 1B xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Về phía Đông: Giáp khe nước và đất của ông Ngô Văn P, địa chỉ: Thôn 5 xã T và ông Ngô Văn P, địa chỉ: thôn 1B xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Về phía Nam: Gần giáp đất ở của ông Ngô Đắc T và ông Ngô V, địa chỉ: Thôn 1B xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

+ Về phía Tây: Giáp đất ông Ngô P, địa chỉ: Thôn 1B xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Quá trình sử dụng đất từ năm 1976 đến năm 1999: Gia đình bà có trồng hoa màu; sau đó trồng cây lấy gỗ là bạch đàn, dương liễu; đến năm 2000 trồng keo lá tràm, còn phần đất thấp vẫn trồng lúa.

Đến năm 2008, ông Ngô P có thỏa thuận miệng với gia đình bà xin “thuê đất” đổi phần đất này với diện tích ước khoảng 1.350m² để ông đầu tư đào hồ nuôi cá, phần đất cao để làm vườn, trồng cây ăn quả.

Do ông Ngô P có quan hệ bà con anh em chú bác ruột với cha Bà là cụ Ngô S, nên cha mẹ bà đồng thuận cho ông Ngô P “thuê đất” và trả tiền hằng năm cho mẹ bà một khoản nhỏ để phục vụ cho việc sinh hoạt. Nhưng đến năm 2014, ông Ngô P đã tự ý đăng ký lại hồ sơ địa chính và đăng ký luôn phần “đất thuê” của gia đình bà V cùng với phần đất của ông để hình thành thửa đất số 164, tờ bản đồ số 9 xã T, thị xã H với diện tích 5.136,2m² loại đất trồng cây lâu năm. Đến tháng 7 năm 2019 ông Ngô P đã đăng ký cấp giấy CNQSD đất đối với toàn bộ diện tích 5.136,2m² này và đã được UBND thị xã H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 03/7/2019.

Khi gia đình bà V biết được việc này là do ông Ngô P bảo anh Ngô Đức N là con đẻ đem số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đến đưa cho mẹ bà là Văn Thị T và bảo rằng “đây là tiền đất của bố anh” (tức ông Ngô P) trả cho gia đình bà V và cho biết thông tin toàn bộ diện tích đã được cấp thẻ đỏ cho vợ chồng ông.

Ngày 15/7/2019, UBND xã T, thị xã H tiến hành hòa giải ông Ngô P đã thỏa thuận chi trả cho gia đình Bà với số tiền là 60.000.000đ, nhưng gia đình Bà vẫn không chấp nhận.

Ngày 17/7/2019, bà Ngô Thị V đã làm đơn yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thị xã H ngăn chặn hành vi chiếm dụng quyền sử dụng đất của gia đình bà đối với ông Ngô P.

Tại Văn bản số 85/TB - CNVPĐKĐĐ ngày 23/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H trả lời bà Ngô Thị V, nội dung: Ông Ngô P đã có hồ sơ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đang đăng ký tại cơ quan; đồng thời, thông báo trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký thông báo nếu bà không cung cấp được giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền hoặc không khởi kiện tại Tòa án thì việc chuyển nhượng sẽ được thực hiện theo qui định pháp luật.

Ngày 13/8/2019 Ủy ban nhân dân xã T tiếp tục hòa giải lần thứ hai nhưng kết quả không thành.

Đối với những người làm chứng do bà V cung cấp cho rằng:

Việc khai hoang đất và sử dụng đất của gia đình bà có sự chứng kiến của ông Ngô V, Ngô Đắc T, ông Ngô P và bà Ngô Thị Như Hải, vì họ là những người có đất và có ranh giới liền kề hiện nay đang sinh sống cạnh thửa đất bà đang khởi kiện.

Bà V cho rằng Ông Ngô V và Ngô Đắc T cho biết “Họ không ký xác nhận ranh giới cho ông Ngô P tại hồ sơ đăng ký đất đai. Còn việc ông Ngô P được cấp Giấy chứng nhận QSD đất thì họ không rõ”.

Vì vậy, Bà Ngô Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã H đã cấp ngày 03/7/2019 cho người sử dụng đất là vợ chồng ông Ngô P bà Phạm Thị Thanh T.

**** Người bị kiện trình bày:***

Tại công văn số 766/UBND-TN&MT ngày 25/5/2020 của Ủy ban nhân dân thị xã H trình bày quan điểm: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị V, với lý do:

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, diện tích 5.136m² có nguồn gốc sử dụng đất được UBND xã T phù xác nhận: Khai hoang sử dụng từ năm 1980. Tại thời điểm năm 2013, khi lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T không phát sinh khiếu nại, tranh chấp về đất đai của bà Ngô Thị V và không có khiếu nại, tranh chấp gì đối với các hộ sử dụng đất giáp ranh. Do đó, việc UBND thị xã H cấp giấy chứng nhận cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc thửa đất, được UBND xã T xác nhận: Đất khai hoang sử dụng từ năm 1980, qua các lần đo đạc và lập hồ sơ địa chính đều do ông Ngô P đăng ký kê khai. Theo bản đồ địa chính thành lập năm 2004, thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, diện tích 5.136 m² là do ông Ngô P kê khai đăng ký sử dụng liên tục, ổn định thuộc loại đất trồng cây lâu năm, không có tranh chấp, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 08/10/2013 theo đúng qui định pháp luật.

Ngày 12/01/2019, ông Ngô P đã có đơn đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BL 743543 đã được UBND thị xã H cấp cho vợ chồng ông vào ngày 08/10/2013, lý do: Để cấp lại cho đúng hiện trạng diện tích và mục đích sử dụng đất (BL số 106).

Sau khi thẩm tra nội dung đơn, Thanh tra thị xã đã có Báo cáo thẩm tra số 87/BC-TTr ngày 07/5/2019 với nội dung: Kiến nghị UBND thị xã H thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ngô P bà Phạm Thị Thanh T do việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong giấy ghi không đúng với mục đích sử dụng đất và sai họ của bà T.

Ngày 05/6/2019, UBND thị xã H có Quyết định số 1558/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL743543 đã cấp cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T. Lý do thu hồi: *“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp ghi không đúng mục đích sử dụng đất. Ngày 15/01/2019, UBND xã T có báo cáo số 13/BC-UBND về việc đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó nội dung giải trình là sai họ bà Phạm Thị Thanh T thành Phan Thị Thanh T, do sai sót”*.

Ngày 26/6/2019, ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T lập hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, đã được UBND xã T phù, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H, Thanh tra thị xã Hương thủy và Phòng TN&MT thị xã H tham mưu về việc đề nghị cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử đất cho hộ gia đình ông, bà Ngô P - Phạm Thị Thanh T (BL từ 106-113); đã được UBND thị xã H cấp đổi Giấy chứng nhận QSDĐ cho Ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T ký hiệu số CL

318078, ngày 03/7/2019 với diện tích 4.758,2m² (diện tích đo đạc theo hiện trạng sử dụng).

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - UBND xã T trình bày:***

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, diện tích 5.136 m² đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T như sau:

Quá trình quản lý, sử dụng đất tại địa phương qua các lần thống kê, đo đạc:

Năm 1985 UBND xã T phù đã tiến hành thống kê diện tích đất theo hiện trạng và thực tế sử dụng của tất cả các hộ sinh sống trên địa bàn.

Đến năm 2004, thực hiện đo đạc lập bản đồ và hồ sơ địa chính cho xã T; tại thời điểm này, UBND xã T đã thông báo cho toàn dân biết về việc đo đạc, thống kê hiện trạng các loại đất đang sử dụng; UBND xã đã đề nghị tất cả các hộ gia đình, cá nhân thực hiện việc kê khai, cắm mốc các thửa đất đang sử dụng để đo đạc. Hộ Ông Ngô P đã kê khai đăng ký thửa đất số 164, diện tích là 5.136,2m² đã được thể hiện tại sổ mục kê đo đạc năm 2004 do UBND xã T phù quản lý. Qua kiểm tra, rà soát UBND xã T phù thấy rằng: Hộ Bà Văn Thị T không có tên kê khai đăng ký gì đối với thửa đất đã cấp cho vợ chồng ông Ngô P; đồng thời quá trình thực hiện việc cấp Giấy CNQSDĐ ông S, bà T cũng hoàn toàn không có khiếu kiện, khiếu nại gì.

Về ý kiến của Bà Ngô Thị V cho rằng một phần thửa đất đã cấp cho Ông P và Bà T do bố, mẹ Bà khai hoang nhưng đã bỏ hoang lâu năm, không kê khai theo qui định và qua nhiều lần thống kê, đo đạc, thông báo công khai của Nhà nước theo qui định; trong các thời điểm này Bà T còn sống liên tục tại địa phương nhưng cũng không có kê khai, không có ý kiến khiếu nại gì đối với thửa đất này cho đến khi vợ chồng ông P được UBND thị xã H cấp Giấy CNQSDĐ đất có ký hiệu BL 743543 vào ngày 08/10/2013.

Vì vậy, UBND xã T phù có cơ sở khẳng định: Việc tham mưu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, tại thời điểm cấp giấy UBND xã T đã tổ chức niêm yết công khai hồ sơ tại địa phương nhưng không có ai tranh chấp, khiếu nại gì. Do đó, quan điểm của UBND xã T là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị V, đề nghị Tòa án giải quyết bác yêu cầu của bà Ngô Thị V theo quy định của pháp luật.

**** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của bà Văn Thị T:***

Các ông Ngô Văn D, ông Ngô Văn M đều đồng ý như trình bày của bà Ngô Thị V, đề nghị Tòa án Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã H cấp cho vợ chồng ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T. Ngoài ra, họ không có ý kiến gì khác.

**** Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối tượng bị khởi kiện:***

Quá trình hòa giải tại UBND xã T phù và quá trình giải quyết tại Tòa án: Ông Ngô P đều cho rằng: Thửa đất Ông được UBND thị xã H cấp cho vợ chồng Ông có nguồn gốc do ông khai hoang từ trước năm 1980 cho đến nay, việc canh tác, sử dụng của gia đình Ông là liên tục, đã được kê khai nhiều lần theo qui định của Nhà nước, không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì. Năm 2004 đã được UBND xã T phù tổ chức đo đạc, thống kê theo qui định, các hộ liền kề đều có ký vào hồ sơ, Ông cũng đã ký vào hồ sơ kê khai cho các hộ liền kề thửa đất Ông đang sử dụng; gia đình Bà T hoàn toàn biết thông báo của địa phương nhưng không có ý kiến gì đối với thửa đất này (thời điểm này ông S đã chết khoảng 10 năm).

Do quá trình canh tác, có nhiều lần Ông đã thuê Ông S là bố của bà V khi còn sống đến cày bừa và làm công cho Ông; do giữa Ông và Ông S là anh em chú bác ruột, nên khi Ông S chết Ông có hứa trả tiền công và hỗ trợ một phần để xây lăng cho Ông S, khi gia đình Ông đưa tiền thì Bà V không chấp nhận và tranh chấp thửa đất này. Quá trình hòa giải tại UBND xã T phù, tôi (P) có đồng ý tăng thêm khoản hỗ trợ này để xây lăng cho Ông S nhưng bà V đã không chịu và tiếp tục khởi kiện; xét thấy việc bà V cho rằng vợ chồng Ông chiếm dụng phần đất do bố mẹ bà khai hoang và cho Ông thuê là hoàn toàn không có căn cứ. Nay bà đã khởi kiện ra Tòa, tôi (P) không đồng ý hỗ trợ nữa và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định pháp luật.

Về việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất của vợ chồng Ông theo kết quả về diện tích có giảm so với diện tích đã cấp trong giấy trước đó để sửa mục đích sử dụng đất, sửa họ của vợ ông từ họ Phan thành họ Phạm là đúng theo đơn đề nghị của ông và thuộc thẩm quyền của UBND các cấp, đảm bảo đúng qui định pháp luật, nay vợ chồng Ông đã được cấp đổi Giấy CNQSD đất và không có ý kiến gì.

Ông Ngô Đức N - Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T giữ nguyên ý kiến của người ủy quyền, không đồng ý nội dung khởi kiện của bà Ngô Thị V, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện của bà Ngô Thị V, vì UBND thị xã H đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P bà T (là bố mẹ đẻ của ông) là đảm bảo có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Những người làm chứng (do bà Ngô Thị V yêu cầu Tòa án triệu tập và đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án), gồm:

Các ông Ngô P, Ngô Đắc T, Ngô V và bà Ngô Thị Như Hải là những người có đất giáp ranh giới với thửa đất của ông Ngô P và hiện có người đang sinh sống ở đây từ trước năm 1985 đến nay.

Những người làm chứng đứng về phía bà Ngô Thị V đều có chung nội dung lời khai là: Họ có biết khoảng từ trước năm 1985 họ chỉ thấy vợ chồng ông Ngô S bà Văn Thị T có đến trồng hoa màu (sắn, khoai, môn, lúa,...) ở vùng Hồ B, họ đều khai không biết cụ thể phần đất này có ranh giới, diện tích cụ thể bao nhiêu, như thế nào? họ không biết chính xác do ông S, bà T hay do ông Ngô P là

người khai hoang, canh tác và sau này lý do vì sao hộ Ông P, bà T được cấp Giấy CNQSDĐ.

Sau khi ông Ngô S chết (năm 1994) thì họ không thấy ai trong gia đình bà T đến sản xuất trên phần đất này nữa cho đến nay, mà do gia đình ông Ngô P tiếp tục canh tác, trồng trọt và quản lý sử dụng liên tục thửa đất của ông Ngô P, không thấy ai tranh chấp; hiện nay thửa đất đã được cấp Giấy CNQSDĐ cho vợ chồng Ông Ngô P là đúng.

Những người làm chứng đều khẳng định: Khi kê khai về đất ở, họ đều ký vào hồ sơ cấp đất của các hộ liên kê, trong đó có thửa đất của hộ Ông Ngô P. Còn khi đo đạc diện tích đất màu (đất nông nghiệp), khi làm thủ tục cấp giấy họ cho rằng họ không ký vào hồ sơ về biên bản giáp ranh cho hộ ông Ngô P; một mặt họ cho rằng do thời gian đã lâu họ không còn nhớ rõ là có ký hay không? Tuy nhiên, hiện trạng thửa đất mà họ đang sử dụng ổn định từ trước cho đến nay có ranh giới liên kê với thửa đất của hộ Ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T hoàn toàn không có tranh chấp gì.

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này cho vợ chồng Ông P, bà T họ không có ý kiến gì vì ranh giới giữa thửa đất của họ với thửa đất của ông P ổn định, không có ai tranh chấp hay khiếu nại gì.

Với nội dung trên,

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 06/2021/HC- ST ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị V về việc: Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số hiệu CL 318078 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, diện tích là 4.758,2 m² do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp ngày 03/10/2019 cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 21/4/2021, bà Ngô Thị V kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm xét xử chưa khách quan, vì các lý do sau:

- Thứ nhất: Không xem xét đến lời khai của Bà và những người làm chứng tại Tòa khi những người này đều thừa nhận phần diện tích đất mà cha mẹ Bà đã khai hoang (khoảng 1.500m²) đã bị ông Ngô P kê khai và đăng ký sử dụng.

- Thứ hai: Không dừng phiên tòa để giám định chữ ký của những người làm chứng nhằm kết luận Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 01/3/2013 của UBND xã T là hợp pháp hay không hợp pháp vì thực tế chữ ký của những người làm chứng trong Biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 01/3/2013 của UBND xã T là giả mạo, do đó việc cấp giấy CNQSDĐ đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, tại thôn 1B xã T, thị xã H cho vợ chồng ông Ngô P là không đúng. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại.

Tại phiên tòa, người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; Yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị: Về tố tụng HĐXX chấp hành đúng các qui định pháp luật TTHC, về nội dung UBND thị xã H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 318078 ngày 03/10/2019 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.758,2 m² cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T là đúng quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị V là có căn cứ. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính. Bác toàn bộ kháng cáo của Ngô Thị V và giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết: Bà Ngô Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy CNQSD đất có ký hiệu BL 743543 do UBND thị xã H cấp ngày 08/10/2013, diện tích 5.136,2m² đã được cấp đổi có ký hiệu số CL 318078, ngày 03/7/2019 với diện tích 4.758,2m², thuộc thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, thôn T phù, thị xã H; đứng tên ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T.

Căn cứ khoản 1 Điều 31, Điều 32 của Luật Tố tụng hình chính năm 2015; khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc hội về việc thi hành Luật tố tụng hành chính là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết là đúng đối tượng và thẩm quyền giải quyết.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 03/7/2019, Ủy ban nhân dân thị xã H ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ký hiệu CL 318078, thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.758,2 m² cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T. Ngày 19/8/2019, bà Ngô Thị V khởi kiện vụ án hành chính đối với Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên của UBND thị xã H cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị V là trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Xét kháng cáo của bà Ngô Thị V:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất bà V cho rằng có tranh chấp:

[2.1.1] Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện bà Ngô Thị V có tranh chấp với ông Ngô P, bà Phạm Thị Thanh T một phần diện tích đất trong

tổng diện tích 4.758,2m² đã được UBND thị xã H cấp cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T, cụ thể tại Biên bản hòa giải ngày 15/7/2019 (bút lục 10,11) bà V cho rằng diện tích ông P chiếm dụng là 02 sào, tại Đơn khởi kiện ngày 16/8/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bà V lại cho rằng diện tích đất bị ông P chiếm dụng là 3 sào, khoảng 1.350m². Theo bà V, nguồn gốc các diện tích đất trên do cha mẹ của bà là các cụ Ngô Văn S và Văn Thị T khai hoang từ sau năm 1975 và sử dụng đến năm 1994 khi cụ S mất thì không sử dụng nữa mà cho ông Ngô P thuê lại. Tuy nhiên bà V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc sử dụng đất liên tục cũng như việc cho ông P thuê đất, nội dung này không được ông Ngô P thừa nhận.

[2.1.2] Lời khai của những người làm chứng: Biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2020 (bút lục 134) ông Ngô P khai “Sau khi ông S chết thì ông Ngô P mới canh tác phần đất của ông Ngô S, sau đó xin cấp Giấy luân phần đất ông Ngô S”; Biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2020 (bút lục 135) ông Ngô Đức T khai “khi tôi đến khai hoang thì có thấy ông S, bà T và mẹ ông P cũng đến khai hoang tại vùng đất này. Đến năm 1984, ông S chết thì bà T làm khoảng 1-2 năm gì đó thì không thấy làm nữa. Kể từ đó, tôi thấy phần đất ông S, bà T do gia đình ông P quản lý, sử dụng và canh tác thường xuyên cho đến nay, không thấy ai tranh chấp gì”. Ngoài hai lời khai của ông P và ông V, bà V không có tài liệu nào chứng minh trong diện tích đất ông Ngô P được cấp giấy chứng nhận, có diện tích đất do các cụ S, cụ T khai hoang.

[2.1.3] Từ các nhận định tại mục [2.1.1] và [2.1.2] thấy: việc người khởi kiện cho rằng trong tổng diện tích 5.136,2m² sau khi cấp đổi là 4.758,2m² đã được UBND thị xã H cấp quyền sử dụng đất cho ông P, bà T, có phần diện tích đất khoảng 3 sào (1.500m²) do cụ S, cụ T khai hoang, là không có căn cứ.

[2.2] Về trình tự, thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 318078 ngày 03/10/2019:

Năm 2004, thực hiện chủ trương đo đạc lập bản đồ và hồ sơ địa chính cho xã T, UBND xã T đã thông báo cho nhân dân biết về việc đo đạc, thống kê hiện trạng các loại đất đang sử dụng; UBND xã đã đề nghị tất cả các hộ gia đình, cá nhân thực hiện việc kê khai, cắm mốc các thửa đất đang sử dụng để đo đạc. Tại thời điểm niêm yết hồ sơ, thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận vào năm 2013 của ông Ngô P, bà Phạm Thị Thanh T và các lần kê khai (các năm 1996, 2004) không có ai tranh chấp, không có ai khiếu nại gì liên quan đến thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09. Trên cơ sở ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T sử dụng đất liên tục và đăng ký kê khai, tại hồ sơ địa chính của xã T, thị xã H đảm bảo đủ điều kiện nên việc UBND thị xã H cấp GCNQSDĐ số BL 743543 ngày 08/10/2013 cho ông P bà theo quy định tại các Điều 49, 50 Luật đất đai 2003.

Cụ Văn Thị T không có tên kê khai đăng ký gì đối với thửa đất đã cấp cho vợ chồng ông Ngô P, đồng thời quá trình thực hiện việc cấp Giấy CNQSDĐ cho ông P bà T, cụ T không có khiếu kiện, khiếu nại gì cho đến khi vợ chồng ông P thực hiện việc cấp đổi giấy CNQSDĐ vào năm 2019. Lý do UBND thị xã H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 318078 ngày 03/10/2019 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.758,2 m² cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T là do có sai sót họ của vợ ông (từ họ Phạm thành Phan) và sai mục đích sử dụng đất. Việc cấp đổi tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai 2013 và khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai.

[2.3] Từ các nhận định tại các mục [2.1] và [2.2] có cơ sở khẳng định việc UBND thị xã H cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 318078 ngày 03/10/2019 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, diện tích 4.758,2 m² cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T là đúng quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị V là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà V.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Ngô Thị V phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1. Bác toàn bộ kháng cáo của bà Ngô Thị V và giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 13/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Áp dụng Điều 99, Điều 100, Điều 105, Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Tuyên xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị V về việc Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 318078 đối với thửa đất số 164, tờ bản đồ số 09, diện tích là 4.758,2 m² do Ủy ban nhân dân thị xã H cấp ngày 03/10/2019 cho ông Ngô P và bà Phạm Thị Thanh T.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 29 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Ngô Thị V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005704 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, bà V đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định còn lại khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng nghị, không bị kháng cáo có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (12/7/2021).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- UBND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tồn